

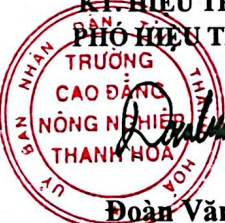
THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 06: từ ngày 22/09/2025 đến ngày 28/09/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K10-VDTY	Sáng					
K11-VDTY		<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPB cho chó mèo (Lệ) 4	KTTG (Nga) 4	CĐ và ĐTH thú y (Vân)
P.E201	Chiều	Vì sinh vật học TY (Duyên) 3				
K9-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 2 Anh văn CN (Phiên) 2	
P.E305	Chiều		Luật kinh tế (Huyền) 4			Luật kinh tế (Huyền)
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 2 Anh văn CN (Phiên) 2	Kỹ năng mềm (Dung)
K11-KTDN						Anh văn CN (Phiên)
P.E305	Chiều		KT thuế (T.Thảo) 4	Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Luật kinh tế (Huyền)
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1	Sáng					
P.B301		<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu)
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Tin học (Thoa) 4	Đất và phân bón (Hương) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	GD chính trị (Quế) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Giống cây trồng (Huyền)
P.B201	Chiều					
CN64A1	Sáng					
P.E204		<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	Ký sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPTB cho gà vịt (Quyên)
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	Giáo dục chính trị (Tài) 2 GDTC (Thuý) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Hoà)
P.B202	Chiều					
CN65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 Dược lý thú y (Duyên) 4	GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Hội) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Quyên)
P.B203	Chiều					

CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4	Dược lý thú y (Lệ) 2 GDTC (Hà) 2	Pháp luật (Nga) 2 GD chính trị (Quế) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					
LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Đo đạc (Tuyết) (P.E203) 4	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Pháp luật (Nga) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GD chính trị (Quế) 2	Đo đạc (Tuyết) (P.E203) 2 GDTC (Hợi) 2	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Tiếng anh (Linh) 2
		<i>Các môn Tiếng anh, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp KTDN65A1 tại P. B103</i>				
KTDN64A1 P.B101	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1 KTNS xã phường (Hoa) 3	Thống kê doanh nghiệp (Thuý) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	Thuế (P.Thảo) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4
KTDN64A2 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	Thuế (P.Thảo) 4	Thống kê DN (Thuý) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1 Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Pháp luật (Nga) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GD chính trị (Quế) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 GDTC (Hợi) 2	Kỹ năng mềm (Dung) 2 Tiếng anh (Linh) 2
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1 Kinh tế vi mô (Thuý) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	GD chính trị (Thắm) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Quang) 2	Kinh tế vi mô (Thuý) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2
	Chiều					
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1 Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3	XD phần mềm QLBH (Hà) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCSĐL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Lập trình Window (Thảo) 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCSĐL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	XD phần mềm QLBH (Hà) 4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1 Kỹ năng mềm (Sơn) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Thuý) 2	Tin học (Hà) 4	GD chính trị (Thắm) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Tin học (Hà) 4
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 4	Pháp luật (Huyền) 2 Kỹ năng mềm (Sơn) 2	Tin học (Phương) 4	GDTC (Hà) 4	Tin học (Phương) 4
	Chiều					
ĐCN64A1 P.E103	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> 1 Cung cấp điện (Tuấn) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Trang bị điện (Nga) 4

ĐCN64A2 P.E104	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Giáp) 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Cung cấp điện (Tuấn) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	
ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) 1 Trang bị điện (Nga) 3	Cung cấp điện (Tuấn) 4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn) 4	Trang bị điện (Nga) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Huyền) 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4	Cung cấp điện (Đ.Đức) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân) 4	
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Đức) 1 Tin học (Hà) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Tin học (Hà) 4	Tiếng anh (Phiên) 2 Pháp luật (Nga) 2	
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tiến) 1 Vật liệu điện (N.Đức) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Tin học (Phương) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dương) 1 Mạch điện (Dương) 4	Tin học (Phương) 4	An toàn điện (Hòa) 4	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức) 4	Mạch điện (Dương) 4	
	Chiều						
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga) 1 Tiếng anh (K.Nhung) 4	Tin học (Trường) 4	Pháp luật (Huyền) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	An toàn điện (Hòa) 4	Mạch điện (Huyền)	
	Chiều						
TL64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (N.Đức) 1 KTTC Công trình TL (N.Đức) 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền) 4	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà) 4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền) 4	
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mai) 1 Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai) 3	KTNS xã phường (T.Thảo)	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai) 4	Thống kê DN (Dung) 4	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai) 4	
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Quản lý chất lượng TS (Liên) 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	Quản lý chất lượng TS (Liên) 4	CB lạnh đông thủy sản (Năm) 4	
KTMTT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) 1 Động cơ đốt trong (Đông) 3	Luật hàng hải (Trung) 4	Động cơ đốt trong (Đông) 4	Luật hàng hải (Trung) 4	Động cơ đốt trong (Đông) 4	

NTTS64	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) 1 Nuôi cá trong ao nước lợ (Ánh) 3	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ánh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ánh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ánh) 4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ánh) 4
Các lớp K65B	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (T.Nhung) 3	GDTC (Quang)	Tiếng anh (T.Nhung) 4	GD chính trị (Quế) 4	Tiếng anh (T.Nhung) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN						
THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7		Chủ nhật	
TT64A2	Sáng	Bệnh cây CK (Hương) 4	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Cây công nghiệp (Thọ) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4		
	Chiều	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây dược liệu (Bình) 4	Cây rau (Huệ) 4		
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng	Cây lương thực (Bình) (P. B204) 4	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4		
	Chiều	Hoá BVTV (Hương) (P.B303) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4		
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng	Dược lý thú y (Duyên) (P.B205) 4	Sinh hoạt lớp (Phượng) 1 VSV - TN (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4		
	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) (P.B302) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 22/09/2025 đến ngày 28/09/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) 1	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	Vật lý (Dịu) 2	Hóa học (Doan) 2
		Địa lý (Thuý) 1				
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) 1	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Hóa học (Hà) 2	Địa lý (Quỳnh) 2
		Toán (Lan Anh) 3	Địa lý (Quỳnh) 2		Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quế) 2
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) 1	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Hóa học (Vân) 2
		Lịch sử (Dự) 3	Hóa học (Vân) 2	Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Linh) 1	Toán (Nhưng) 2	GDKT và PL (Tài) 2	Vật lý (Hoà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Linh) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Lý) 2
		HĐTN (Hoà) 1				
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) 1	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	GDKT và PL (Nga) 2	Lịch sử (Lý) 2
		Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2	Hóa học (Vân) 2	Toán (Quý) 2	Địa lý (Ngọc) 2
VH63B8 P.B306	Sáng	HĐTN (K.Nhưng) 1	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Địa lý (Linh) 2	Toán (Quý) 2
		Toán (Quý) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hường) 2
VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng) 1	Hóa học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 2
		Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2		Lịch sử (Hà) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	HĐTN (Vân) 1	Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thuý) 4	GDKT và PL (Quyên) 2
		Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2		Toán (Dương) 2
		Hóa học (Vân) 1				
VH64B4 P.E201	Sáng	HĐTN (H.Nga) 1	Ngữ văn (Hương) 2	Lịch sử (Hằng) 2	Địa lý (Nga) 2	Hóa học (Hà) 2
		Địa lý (Nga) 3	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hương) 2	GDKT và PL (Thắm) 2	Vật lý (Trung) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HĐTN (Hoà)	1	Vật lý (Hoà)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Toán (Dương)	2
		Lịch sử (Hằng)	3	Toán (Dương)	2	Lịch sử (Hằng)	2	Hoá học (Hà)	2	Địa lý (Quỳnh)	2
VH64B6 P. B101	Sáng	HĐTN (H. Hà)	1	Sinh học (Phượng)	2	Toán (Quý)	2	Toán (Quý)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2
		Địa lý (Linh)	3	Lịch sử (Hằng)	2	Ngữ văn (H.Hà)	2	Địa lý (Linh)	2	GDKT và PL (Quyên)	2
VH64B8 P.E204	Sáng	HĐTN (Phiên)	1	Hoá học (Vân)	2	Địa lý (Quỳnh)	2	Toán (Lan Anh)	2	GDKT và PL (Tài)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Toán (Lan Anh)	2	Lịch sử (Dự)	2	Sinh học (Phượng)	2	Sinh học (Phượng)	2
VH65B1	Sáng	HĐTN (Thuý)	1	Địa lý (Thuý)	2	Vật lý (Dịu)	2	Vật lý (Dịu)	2	Toán (Hương)	2
		Địa lý (Thuý)	2	Hoá học (Doan)	2	Toán (Hương)	2	Ngữ văn (Hằng)	2	GDKT và PL (Thuý)	2
		GDKT và PL (Thuý)	1								
VH65B2 P.E301	Chiều	HĐTN (Quyên)	1	Ngữ văn (H.Hà)	2	Vật lý (Dịu)	2	Toán (Dương)	2	Vật lý (Dịu)	2
		Ngữ văn (H.Hà)	2	Lịch sử (Dự)	2	Địa lý (Thuý)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Địa lý (Thuý)	2
		Toán (Dương)	1								
VH65B3 P.E303	Chiều	HĐTN (Quý)	1	Địa lý (Quỳnh)	2	Toán (Quý)	2	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
		Toán (Quý)	2	Hoá học (Vân)	2	Vật lý (Dịu)	2	Hoá học (Vân)	2	Lịch sử (Dự)	2
		GDKT và PL (Thắm)	1								
VH65B4 P.E304	Chiều	HĐTN (Mạnh)	1	Toán (Quý)	2	Địa lý (Thuý)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Lịch sử (Nhưng)	2
		GDKT và PL (Nga)	2	Vật lý (Trung)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Toán (Quý)	2	Hoá học (Vân)	2
		Hoá học (Vân)	1								
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Hương)	1	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (Hương)	2	Lịch sử (Nhưng)	2	Ngữ văn (Hương)	2
		Toán (Dương)	2	Địa lý (Linh)	2	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Linh)	2	Vật lý (Dịu)	2
		GDKT và PL (Nga)	1								
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh)	1	Toán (Lan Anh)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Địa lý (Quỳnh)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2
		Sinh học (Phượng)	1	Địa lý (Quỳnh)	2	Toán (Lan Anh)	2	Vật lý (Trung)	2	Lịch sử (Nhưng)	2
		Vật lý (Trung)	2								
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng)	1	Vật lý (Trung)	2	Toán (Lan Anh)	2	Vật lý (Trung)	2	GDKT và PL (Nga)	2
		Ngữ văn (Lý)	3	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Quỳnh)	2	Lịch sử (Nhưng)	2	Toán (Lan Anh)	2
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường)	1	Địa lý (Linh)	2	Lịch sử (Hằng)	2	Địa lý (Linh)	2	Toán (Lan Anh)	2
		GDKT và PL (Quyên)	1	Lịch sử (Hằng)	2	GDKT và PL (Quyên)	2	Ngữ văn (Hường)	2	Sinh học (Phượng)	2
		Toán (Lan Anh)	2								

VH65B9		HĐTN (Hồng)	1	Lịch sử (Hằng)	2	Địa lý (Quỳnh)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Địa lý (Quỳnh)	2
P.B203	Chiều	Toán (Lan Anh)	1	Toán (Lan Anh)	2	Lịch sử (Hằng)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2	Ngữ văn (Thiên Lý)	2
		Sinh học (Hồng)	2								
VH65B10		HĐTN (Thắm)	1	Vật lý (Hoà)	2	Toán (Dương)	2	Vật lý (Hoà)	2	Địa lý (Thủy)	2
P.B103	Chiều	GDKT và PL (Thắm)	1	Toán (Dương)	2	GDKT và PL (Thắm)	2	Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
		Lịch sử (Dự)	2								
VH65B11		HĐTN (Quế)	1	Ngữ văn (Hương)	2	Hoá học (Vân)	2	Sinh học (Hồng)	2	Địa lý (Nga)	2
P.E101	Chiều	Lịch sử (Hằng)	3	GDKT và PL (Quế)	2	Toán (Dương)	2	Toán (Dương)	2	Ngữ văn (Hương)	2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu